

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2022
*“V/v Tranh chấp Hợp đồng phát hành thẻ
tín dụng quốc tế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Đinh Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXX-DSST ngày 28/7/2022 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/QĐST-DS ngày 18/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/QĐST-DS ngày 16/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/QĐST-DS ngày 23/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N Việt Nam

Địa chỉ : Số M đường Tr, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Quang D - Chức vụ : Chủ tịch HĐQT quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Cao C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Minh Ng – Trưởng phòng giao dịch Bạch Đằng, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Địa chỉ: số N Bạch Đằng, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Sau đây gọi tắt là Ngân hàng.

- Bị đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ A ấp H, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –Vùng Tàu; bà L ủy quyền cho bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1983, trú tại: khu Nh, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa. Điều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1977; Địa chỉ : Tổ A ấp H, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –Vùng Tàu; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được ủy quyền lại của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam: bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt trình bày:

Ngân hàng TMCP N Việt Nam đã ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế American Express số thẻ 3791 957034 57003 và VisaCard số thẻ 4129 7534 0171 5000 ngày 26/08/2014 theo hình thức không có bảo đảm bằng tài sản cho khách hàng là bà Mai Thị L với hạn mức tín dụng mỗi thẻ là 30.000.000 đồng. Sau khi Ngân hàng phát hành tài khoản thẻ tín dụng cho bà Mai Thị L thì bà L đã sử dụng thẻ tín dụng nêu trên để chi tiêu cá nhân mà sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ hàng tháng nhưng bà L đều không thực hiện việc trả tiền. Từ ngày 22/10/2018 Ngân hàng đã khóa sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng của bà Mai Thị L cho đến nay. Do bà Mai Thị L không thực hiện việc thanh toán nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị L phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ sau:

Đối với loại thẻ Vietcombank American Express: Ngày 05/8/2022 bà Mai Thị L đã thanh toán 5.000.000đ , ngày 5/9/2022 đã thanh toán 5.000.000đ nên dư nợ gốc thẻ này đến ngày 6/9/2022 là 6.268.190đồng; lãi thẻ tín dụng: 17.604.716đồng, Phí vượt hạn mức tín dụng: 43.348.798đồng và phí chậm thanh toán 157.500.506đồng tính đến ngày 27/9/2022; Phí thường niên: 260.000đồng;

Đối với loại thẻ Vietcombank VisaCard: Dư nợ gốc thẻ: 12.888.131 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 13.822.140đồng, Phí vượt hạn mức tín dụng 30.207.811đồng và phí chậm thanh toán: 124.484.329đồng; Phí thường niên: 0 đồng;

Tổng số tiền bà Mai Thị L phải trả cho Ngân hàng do sử dụng 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên: số tiền nợ gốc: 19.156.321 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 31.045.876 đồng; Phí vượt hạn mức tín dụng: 73.556.309đ và phí chậm thanh toán 281.984.835đồng; Phí thường niên là 260.000 đồng; tổng là 406.003.341đồng. Và tuyên buộc bà Mai Thị L phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank ngày 28/9/2022

cho đến ngày bà Mai Thị L trả hết nợ gốc, lãi và toàn bộ các loại phí phát sinh cho VCB.

Đây là khoản vay tín chấp cá nhân của bà Mai Thị L nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà Mai Thị L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu chồng của bà Mai Thị L là ông Hoàng Văn T có trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ cùng với bà Mai Thị L.

Đối với yêu cầu của bà Mai Thị L đề nghị Ngân hàng miễn khoản tiền phạt, Ngân hàng - chi nhánh thành phố Hải Dương sẽ trình Ngân hàng cấp trên xem xét trong quá trình bà Mai Thị L thanh toán tiền nợ.

Bị đơn bà Mai Thị L có đơn trình bày: Năm 2016, bà có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và vay số tiền 30.000.000đồng để chi tiêu cá nhân. Tháng 12/2016 gia đình rời quê đi nơi khác làm ăn sinh sống chưa hoàn trả tiền vay cho Ngân hàng. Nay bà nhận được thông báo của Tòa án về khoản nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền 29.156.312đồng, xin trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi tính theo phần trăm vay của Ngân hàng. Đây là khoản nợ bà sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn không liên quan đến ông Hoàng Văn T. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sắp sinh con không thể trả trong 1 kỳ bà xin trả 5.000.000đ/tháng cả gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn trừ khoản tiền phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T vắng mặt và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Mai Thị L.

Quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng ; Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao” Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Mai Thị L phải trả Ngân hàng VCB số tiền dư nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phí thường niên.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Mai Thị L phải trả phí vượt hạn mức và phí phạt không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu (phí chậm thanh toán).

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam khởi kiện bà Mai Thị L phải trả số tiền còn thiếu do sử dụng tài khoản thẻ tín dụng quốc tế phát sinh tranh chấp từ hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/8/2014. Theo Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết giữa Ngân hàng và bà Mai Thị L thỏa thuận tranh chấp phát sinh thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng có (đặt trụ sở) Chi nhánh ký kết giải quyết nên theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết.

1.2 Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Mai Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Mai Thị L, bà Hoàng Thị Q được bà L ủy quyền tham gia phiên tòa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mai Thị L, bà Hoàng Thị Q và ông Hoàng Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 5, 6 Nghị quyết số 04/2017 ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

2.1 Căn cứ đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/8/2014 của bà Mai Thị L yêu cầu Ngân hàng TMCP N Việt Nam phát hành thẻ tín dụng quốc

tế, cấp tài khoản thẻ tín dụng cho cá nhân bà Mai Thị L với 02 loại thẻ: thẻ Vietcombank American Express mã tài khoản A03403457 hạn mức tín dụng đề nghị 30.000.000đồng và thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa mã tài khoản V03401715 hạn mức tín dụng đề nghị 30.000.000đồng. Ngân hàng chấp thuận yêu cầu của bà Mai Thị L và phát hành tài khoản thẻ tín dụng Amex với hạn mức tín dụng 30.000.000đồng và tài khoản thẻ tín dụng Visa với hạn mức tín dụng 30.000.000đồng theo các thông tin bà Mai Thị L yêu cầu.

Đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/8/2014 được giao kết giữa Ngân hàng và bà Mai Thị L đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đơn yêu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, nguyên đơn và bị đơn phải có phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

2.2 Căn cứ pháp lý xem xét về khoản tiền lãi và các loại phí:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “ 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Căn cứ Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế qui định tại điểm o khoản 2.2 Điều 2 về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “ Thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch chi tiêu, phí và lãi phát sinh theo qui định của Ngân hàng về việc sử dụng thẻ.” và tại khoản 4.1, khoản 4.2, khoản 4.5 và 4.6 Điều 4 qui định về thanh toán và trả nợ như sau: “ Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch ...; Chủ thẻ phải trả cho Ngân hàng các phí ứng tiền mặt, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và các loại phí, lãi khác theo biểu phí do Ngân hàng qui định.; Hàng tháng vào ngày sao kê, Ngân hàng sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ; Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê qui định.”

Căn cứ tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

qui định như sau: “ Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ” và qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “ Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”;

Căn cứ Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng áp dụng cho thẻ Vietcombank American Express và thẻ Vietcombank Visa được Ngân hàng công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và bảng mức lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng Vietcombank.

Từ các căn cứ viện dẫn nêu trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương về khoản tiền lãi và các loại phí đối với 02 thẻ tín dụng trên.

2.3 Đối với yêu cầu tài khoản thẻ tín dụng Amex A03403457 nợ tổng cộng số tiền 224.600.433đồng gồm: Nợ gốc số tiền: 6.268.190đồng; lãi thẻ tín dụng: 17.604.716đồng, Phí vượt hạn mức tín dụng: 43.348.798đồng và phí chậm thanh toán 157.500.506đồng tính đến ngày 27/9/2022; Phí thường niên: 260.000đồng thì căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng Vietcombank American Express từ ngày 01/10/2014 cho đến ngày 27/9/2022 và bảng chi tiết sử dụng và tính lãi, phí thẻ tín dụng đến ngày 27/9/2022 của Ngân hàng nộp, có thể hiện bà L sử dụng tài khoản thẻ tín dụng được cấp mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mã tài khoản A03403457 và đối chiếu với những điều khoản thỏa thuận của hợp đồng và quy định pháp luật đã dẫn chiếu ở phần trên thì bà L còn nợ số tiền mà Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền 224.600.433đồng của tài khoản thẻ tín dụng Amex A03403457 là có cơ sở nên chấp nhận.

2.4 Đối với yêu cầu tài khoản thẻ tín dụng Visa V03401715 nợ tổng cộng số tiền 181.402.908đồng gồm: Nợ gốc số tiền 12.888.131 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 13.822.140đồng, Phí vượt hạn mức tín dụng 30.207.811đồng và phí chậm thanh toán: 124.484.329đồng; Phí thường niên: 0 đồng thì căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng Vietcombank Visa từ ngày 20/9/2014 cho đến ngày 27/9/2022 và bảng chi tiết sử dụng và tính lãi, phí đến ngày 27/9/2022 của Ngân hàng nộp, có thể hiện bà L sử dụng tài khoản thẻ tín dụng được cấp mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mã tài khoản V03401715 và đối chiếu với những điều khoản thỏa thuận của hợp đồng và quy định pháp luật đã dẫn chiếu ở phần trên thì bà L còn nợ số tiền mà Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền 181.402.908đồng của tài khoản thẻ tín dụng Visa V03401715 là có cơ sở nên chấp nhận.

Tổng cộng 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế nêu trên: số tiền nợ gốc: 19.156.321 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 31.045.876 đồng; Phí vượt hạn mức tín dụng:

73.556.309đ và phí chậm thanh toán 281.984.835đồng; Phí thường niên là 260.000đồng; tổng là 406.003.341đồng tính đến ngày 27/9/2022. Bà Mai Thị L phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank từ ngày 28/9/2022 cho đến ngày bà Mai Thị L trả hết nợ gốc, lãi và toàn bộ các loại phí phát sinh cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 121, 122, 124, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam.

1. Buộc bà Mai Thị L phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam, tổng số tiền là 406.003.341đồng bao gồm: Nợ gốc là 19.683.656đồng, Lãi thẻ tín dụng: 31.045.876 đồng; Phí vượt hạn mức tín dụng: 73.556.309đ và phí chậm thanh toán: 281.984.835đồng; Phí thường niên là 260.000đồng tính đến ngày 27/9/2022 của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank American Express A03403457 và Vietcombank Visa V03401715.

Bà Mai Thị L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc số tiền là 19.683.656đồng của 02 tài khoản thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank American Express A03403457 và Vietcombank Visa V03401715 cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất được quy

định tại Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/8/2014 và Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam 6.525.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000199 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà Mai Thị L phải chịu 20.240.133đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Mai Thị L, ông Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu